

PHAN
VĂN
HÙNG

Digitally signed by PHAN VĂN HÙNG

DN: C=VN, S=HÀ NỘI,
L=Thường Tín, OU=CÔNG TY
CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN
VINACONTROL, T=Giam doc,
CN=PHAN VĂN HÙNG,
OID.0.9.2342.19200300.100.1.
1=CMND:181340639

Reason: I am the author of this document

Location:

Date: 2024-03-18 15:59:30

Foxit Reader Version: 9.4.1

Công ty Cổ phần Tập đoàn

Báo cáo tài chính tổng hợp

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023



Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3 - 4
Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 6
Bảng cân đối kế toán tổng hợp	7 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp	10 - 11
Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp	12 - 39

Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol ("Công ty") là một công ty cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước theo Quyết định số 1758/2004/QĐ-BTM ngày 29 tháng 11 năm 2004 của Bộ Thương mại (nay là Bộ Công thương) và hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0103008113 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu vào ngày 1 tháng 6 năm 2005. Công ty cũng đã nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 10 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 4 tháng 11 năm 2021.

Hoạt động kinh doanh chính trong năm hiện tại của Công ty là:

- ▶ Giám định thương mại: Giám định quy cách, phẩm chất, tình trạng, số khối lượng bao bì, ký mã hiệu đối với mọi loại hàng hóa; Giám sát hàng hóa trong quá trình sản xuất, giao nhận, bảo quản, vận chuyển, xếp dỡ, giám sát quá trình lắp ráp thiết bị dây chuyền công nghệ; Thẩm định, tư vấn, giám sát công trình xây dựng; Giám định các phương tiện vận tải, container, các dịch vụ giám định về hàng hải; Giám định an toàn con tàu trước khi xếp hàng, phá dỡ hoặc sửa chữa; Giám định tổn thất; Đại lý giám định tổn thất, phân bổ tổn thất cho các công ty bảo hiểm trong và ngoài nước;
- ▶ Giám định/thử nghiệm theo yêu cầu để cung cấp chứng từ phục vụ công tác quản lý của Nhà nước thuộc các lĩnh vực như: xuất xứ hàng hóa; quản lý chất lượng; an toàn, vệ sinh hàng hóa; nghiệm thu, quyết toán công trình đầu tư; bảo vệ môi trường; các dịch vụ thông quan;
- ▶ Dịch vụ lấy mẫu, phân tích và thử nghiệm mẫu;
- ▶ Chứng nhận sản phẩm;
- ▶ Các dịch vụ có liên quan: Xông hơi khử trùng, thẩm định giá, giám định không phá hủy, kiểm tra kết cấu hàn các công trình, kiểm tra thiết bị và thiết bị đo lường, kiểm tra và lập bảng dung tích các loại bồn chứa, sà lan, kiểm đếm, niêm phong cặp chì, dịch vụ kiểm tra chất lượng hệ thống quản lý theo yêu cầu của khách hàng;
- ▶ Tư vấn, đánh giá, chứng nhận áp dụng hệ thống quản lý theo các tiêu chuẩn quốc tế; Tư vấn về chất lượng hàng hóa; Tư vấn và thẩm định môi trường;
- ▶ Dịch vụ kiểm định kỹ thuật an toàn lao động;
- ▶ Đo lường và lập bảng dung tích các phương tiện thủy; Hiệu chuẩn và kiểm định các thiết bị đo lường; và
- ▶ Các hoạt động khác theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Công ty có trụ sở chính tại số 54 Trần Nhân Tông, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam và các chi nhánh sau:

<i>Chi nhánh</i>	<i>Địa chỉ</i>
Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol Hà Nội	Số 96, Yết Kiêu, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam
Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol Hải Phòng	Số 80, Phạm Minh Đức, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng
Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol Quảng Ninh	Số 11, phố Hoàng Long, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh
Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol Đà Nẵng	Lô A6-A8 đường 30/4, phường Hòa Cường Bắc, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Bùi Duy Chính	Chủ tịch
Ông Mai Tiến Dũng	Thành viên
Ông Phan Văn Hùng	Thành viên
Bà Nguyễn Thanh Hương	Thành viên
Bà Dương Thanh Huyền	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Thị Thủy Ngân	Trưởng ban
Ông Nguyễn Quốc Minh	Thành viên
Ông Nguyễn Trung Hiếu	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Mai Tiến Dũng	Tổng Giám đốc
Ông Phan Văn Hùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bạch Khánh Nhật	Phó Tổng Giám đốc miễn nhiệm ngày 31 tháng 3 năm 2023

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Mai Tiến Dũng – Tổng Giám đốc Công ty.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tổng hợp, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính tổng hợp; và
- ▶ lập báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính tổng hợp của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tổng hợp của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính tổng hợp. Công ty đã lập báo cáo tài chính tổng hợp này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 16 tháng 11 năm 2020 do Bộ Tài chính ban hành ngày 16 tháng 11 năm 2020 – Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại Thông tư này, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (“báo cáo tài chính hợp nhất”) đề ngày 11 tháng 3 năm 2024.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Người sử dụng báo cáo tài chính tổng hợp nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc:



Mai Tiến Dũng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 11 tháng 3 năm 2024

Số tham chiếu: 11941048/66923191

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol (“Công ty”) được lập ngày 11 tháng 3 năm 2024 và được trình bày từ trang 7 đến trang 39, bao gồm bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp đi kèm.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính tổng hợp của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội



Le Đức Trương
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0816-2023-004-1

Đỗ Đức Hiếu
Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 4663-2023-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 13 tháng 3 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP
ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		153.823.002.271	124.592.232.005
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	72.516.519.219	48.249.247.351
111	1. Tiền		42.733.786.351	31.409.332.392
112	2. Các khoản tương đương tiền		29.782.732.868	16.839.914.959
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		13.197.205.270	8.499.830.739
121	1. Chứng khoán kinh doanh	5.1	1.401.400.000	1.401.400.000
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	5.1	(178.470.000)	(311.364.000)
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5.2	11.974.275.270	7.409.794.739
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		67.252.915.570	66.354.716.267
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.1	46.670.956.615	46.577.934.600
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.2	438.020.471	1.205.064.000
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	22.931.831.512	21.947.537.836
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	8	(2.787.893.028)	(3.375.820.169)
140	IV. Hàng tồn kho		648.013.282	527.400.671
141	1. Hàng tồn kho		648.013.282	527.400.671
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		208.348.930	961.036.977
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	9	207.505.180	961.036.977
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		843.750	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		178.556.040.075	179.972.341.158
220	I. Tài sản cố định		84.840.485.570	85.067.481.675
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	71.451.777.659	71.151.101.174
222	Nguyên giá		167.839.520.372	158.354.888.523
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(96.387.742.713)	(87.203.787.349)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	13.388.707.911	13.916.380.501
228	Nguyên giá		14.798.110.878	14.798.110.878
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.409.402.967)	(881.730.377)
240	II. Tài sản dở dang dài hạn		300.000.000	-
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		300.000.000	-
250	III. Đầu tư tài chính dài hạn		73.530.000.000	73.020.000.000
251	1. Đầu tư vào công ty con	12.1	72.080.000.000	71.570.000.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết	12.2	1.050.000.000	1.050.000.000
255	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5.2	400.000.000	400.000.000
260	IV. Tài sản dài hạn khác		19.885.554.505	21.884.859.483
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	9	19.885.554.505	21.884.859.483
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		332.379.042.346	304.564.573.163

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		38.582.797.804	29.488.768.713
310	I. Nợ ngắn hạn		38.582.797.804	29.488.768.713
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13.1	2.965.855.401	2.551.585.921
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	13.2	977.004.176	1.127.863.081
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	5.777.035.604	5.016.465.910
314	4. Phải trả người lao động		26.818.309.190	18.806.433.031
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	1.394.941.579	1.332.831.674
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	16	384.011.577	616.769.096
322	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	17	265.640.277	36.820.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		293.796.244.542	275.075.804.450
410	I. Vốn chủ sở hữu	18	293.796.244.542	275.075.804.450
411	1. Vốn cổ phần đã phát hành		104.999.550.000	104.999.550.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		104.999.550.000	104.999.550.000
415	2. Cổ phiếu quỹ		(3.954.000)	(3.954.000)
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		148.855.445.173	133.577.386.605
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		39.945.203.369	36.502.821.845
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước		3.149.872.800	-
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		36.795.330.569	36.502.821.845
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		332.379.042.346	304.564.573.163


Trần Thị Thu Thủy
Người lập


Lưu Ngọc Hiền
Kế toán trưởng




Mai Tiên Dũng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 11 tháng 3 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu cung cấp dịch vụ	20.1	365.103.659.932	326.606.006.132
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	20.1	-	-
10	3. Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ [10 = 01 - 02]	20.1	365.103.659.932	326.606.006.132
11	4. Giá vốn dịch vụ cung cấp	21	287.654.551.638	253.514.584.596
20	5. Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ [20 = 10 - 11]		77.449.108.294	73.091.421.536
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	20.2	20.432.337.817	20.851.427.223
22	7. Chi phí tài chính	22	160.366.894	956.361.785
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		-	837.089.700
25	8. Chi phí bán hàng	23	23.828.429.510	19.874.241.219
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	32.778.105.481	31.721.880.206
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + 21 - 22 - 25 - 26]		41.114.544.226	41.390.365.549
31	11. Thu nhập khác		295.371.924	136.899.341
32	12. Chi phí khác		52.897.705	439.901.840
40	13. Lợi nhuận/(lỗ) khác [40 = 31 - 32]		242.474.219	(303.002.499)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế [50 = 30 + 40]		41.357.018.445	41.087.363.050
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	25.1	4.561.687.876	4.584.541.205
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN [60 = 50 - 51]		36.795.330.569	36.502.821.845


Trần Thị Thu Thủy
Người lập


Lưu Ngọc Hiền
Kế toán trưởng




Mai Tiến Dũng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 11 tháng 3 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận kế toán trước thuế		41.357.018.445	41.087.363.050
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình, hao mòn tài sản cố định vô hình và phân bổ tiền thuê đất		12.326.212.847	11.737.736.259
03	Các khoản hoàn nhập/(trích lập) các khoản dự phòng		106.146.392	(591.601.766)
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(101.764.203)	(35.469.480)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(19.835.433.091)	(19.945.752.997)
06	Chi phí lãi vay	22	-	837.089.700
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		33.852.180.390	33.089.364.766
09	Tăng các khoản phải thu		(732.853.775)	(3.069.840.538)
10	(Tăng)/giảm hàng tồn kho		(120.612.611)	183.706.111
11	Tăng/(giảm) các khoản phải trả		8.880.398.161	(11.941.939.008)
12	Giảm/(tăng) chi phí trả trước		2.126.434.527	(2.070.304.218)
14	Lãi vay đã trả		-	(837.089.700)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(4.581.601.383)	(3.991.066.252)
17	Tiền chi cho các hoạt động kinh doanh		(4.073.603.000)	(4.433.647.020)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		35.350.342.309	6.929.184.141
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định (TSCĐ) và các tài sản dài hạn khác		(10.630.048.494)	(7.650.143.746)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		181.818.182	-
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(11.974.275.270)	(10.773.876.931)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		7.409.794.739	4.464.082.192
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		16.594.414.909	21.982.724.267
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		1.581.704.066	8.022.785.782

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
34	Tiền trả nợ gốc vay		-	(10.208.056.252)
36	Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu	18.3	(12.594.743.040)	(12.593.777.700)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(12.594.743.040)	(22.801.833.952)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		24.337.303.335	(7.849.864.029)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		48.249.247.351	56.047.660.481
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(70.031.467)	51.450.899
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	72.516.519.219	48.249.247.351



Trần Thị Thu Thủy
Người lập



Lưu Ngọc Hiền
Kế toán trưởng



Mai Tiến Dũng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 11 tháng 3 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol (“Công ty”) là một công ty cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 1758/2004/QĐ-BTM ngày 29 tháng 11 năm 2004 của Bộ Thương mại (nay là Bộ Công thương) và hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0103008113 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu vào ngày 1 tháng 6 năm 2005. Công ty cũng đã nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 10 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 4 tháng 11 năm 2021.

Hoạt động kinh doanh chính trong năm hiện tại của Công ty là:

- ▶ Giám định thương mại: Giám định quy cách, phẩm chất, tình trạng, số khối lượng bao bì, ký mã hiệu đối với mọi loại hàng hóa; Giám sát hàng hóa trong quá trình sản xuất, giao nhận, bảo quản, vận chuyển, xếp dỡ, giám sát quá trình lắp ráp thiết bị dây chuyền công nghệ; Thẩm định, tư vấn, giám sát công trình xây dựng; Giám định các phương tiện vận tải, container, các dịch vụ giám định về hàng hải; Giám định an toàn con tàu trước khi xếp hàng, phá dỡ hoặc sửa chữa; Giám định tổn thất; Đại lý giám định tổn thất, phân bổ tổn thất cho các công ty bảo hiểm trong và ngoài nước;
- ▶ Giám định/thử nghiệm theo yêu cầu để cung cấp chứng từ phục vụ công tác quản lý của Nhà nước thuộc các lĩnh vực như: xuất xứ hàng hóa; quản lý chất lượng; an toàn, vệ sinh hàng hóa; nghiệm thu, quyết toán công trình đầu tư; bảo vệ môi trường; các dịch vụ thông quan;
- ▶ Dịch vụ lấy mẫu, phân tích và thử nghiệm mẫu;
- ▶ Chứng nhận sản phẩm;
- ▶ Các dịch vụ có liên quan: Xông hơi khử trùng, thẩm định giá, giám định không phá hủy, kiểm tra kết cấu hàn các công trình, kiểm tra thiết bị và thiết bị đo lường, kiểm tra và lập bảng dung tích các loại bồn chứa, sà lan, kiểm đếm, niêm phong cạp chì, dịch vụ kiểm tra chất lượng hệ thống quản lý theo yêu cầu của khách hàng;
- ▶ Tư vấn, đánh giá, chứng nhận áp dụng hệ thống quản lý theo các tiêu chuẩn quốc tế; Tư vấn về chất lượng hàng hóa; Tư vấn và thẩm định môi trường;
- ▶ Dịch vụ kiểm định kỹ thuật an toàn lao động;
- ▶ Đo lường và lập bảng dung tích các phương tiện thủy; Hiệu chuẩn và kiểm định các thiết bị đo lường; và
- ▶ Các hoạt động khác theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp.

Công ty có trụ sở chính tại số 54 Trần Nhân Tông, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam và các chi nhánh sau:

<i>Chi nhánh</i>	<i>Địa chỉ</i>
Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol Hà Nội	Số 96, Yết Kiêu, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam
Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol Hải Phòng	Số 80, Phạm Minh Đức, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng
Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol Quảng Ninh	Số 11, phố Hoàng Long, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh
Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol Đà Nẵng	Lô A6-A8 đường 30/4, phường Hòa Cường Bắc, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 458 (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 459).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có 3 công ty con (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 3 công ty con) với chi tiết như sau:

<i>Công ty</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ biểu quyết</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Hoạt động chính trong năm</i>
Công ty TNHH Giám định Vinacontrol thành phố Hồ Chí Minh	100%	100%	Số 80 Bà Huyện Thanh Quan, phường 9, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh	Cung cấp dịch vụ giám định và phân tích, thử nghiệm mẫu
Công ty Cổ phần Tư vấn và Thẩm định Môi trường Vinacontrol	51%	51%	Số 54 Trần Nhân Tông, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội	Cung cấp dịch vụ tư vấn và thẩm định về môi trường
Công ty Cổ phần Chứng nhận và Kiểm định Vinacontrol	51%	51%	Số 41 Nguyễn Thượng Hiền, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội	Cung cấp dịch vụ chứng nhận và kiểm định chất lượng sản phẩm, hàng hóa

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Cơ sở lập báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty

Công ty có Văn phòng tại trụ sở chính và các chi nhánh hạch toán phụ thuộc (“Chi nhánh”) như được trình bày tại Thuyết minh số 1.

Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty và Chi nhánh. Báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty và Chi nhánh được lập cùng niên độ báo cáo tài chính tổng hợp và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Các chỉ tiêu của báo cáo tài chính tổng hợp được thực hiện bằng cách cộng hợp các chỉ tiêu tương ứng của báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty và Chi nhánh.

Các giao dịch và số dư về thu hộ, chi hộ giữa Chi nhánh và Văn phòng Công ty được cân trừ toàn bộ theo từng chỉ tiêu tương ứng trên báo cáo tài chính tổng hợp.

2.2 Mục đích lập báo cáo tài chính tổng hợp

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 1 và Thuyết minh số 12. Công ty đã lập báo cáo tài chính tổng hợp này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại văn bản này, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày (“báo cáo tài chính hợp nhất”) đề ngày 11 tháng 3 năm 2024.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.2 Mục đích lập báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Người sử dụng báo cáo tài chính tổng hợp nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con.

2.3 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") và được lập phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính tổng hợp được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính tổng hợp, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và lưu chuyển tiền tệ tổng hợp theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.4 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.5 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính tổng hợp bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.6 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính tổng hợp được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 *Hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến (bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí lao động trực tiếp, chi phí liên quan trực tiếp khác, chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá cung cấp dịch vụ ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu và công cụ, dụng cụ - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
cụ

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn dịch vụ đã cung cấp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

3.3 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính tổng hợp theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 *Tài sản cố định hữu hình*

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

3.5 *Thuê tài sản*

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

Trong trường hợp Công ty là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là tài sản cố định trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào giá trị tài sản cho thuê và phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp theo thời hạn của hợp đồng thuê.

Thu nhập từ tiền cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp theo phương pháp đường thẳng trong thời gian cho thuê.

3.6 *Tài sản cố định vô hình*

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 Tài sản cố định vô hình (tiếp theo)

Quyền sử dụng đất

Tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước năm 2003 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45").

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 50 năm
Máy móc, thiết bị	3 - 12 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 8 năm
Quyền sử dụng đất	20 - 32,5 năm
Phần mềm máy tính	3 - 7 năm

Quyền sử dụng đất lâu dài không trích khấu hao.

3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán tổng hợp và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo các hợp đồng thuê đất có thời hạn. Theo Thông tư 45, khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

3.9 Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào các công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc. Thông thường, Tập đoàn được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu từ 20% quyền biểu quyết trở lên ở đơn vị nhận đầu tư.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong năm trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.10 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán tổng hợp theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 *Cổ phiếu quỹ*

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/lỗ khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.14 *Phân chia lợi nhuận*

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm các khoản lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty hoặc bù đắp các tổn thất tài chính của công ty trong tương lai.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán tổng hợp.

3.15 *Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu.

Doanh thu cung cấp dịch vụ giám định và phân tích mẫu

Doanh thu được ghi nhận khi dịch vụ hoàn thành, Công ty phát hành Chứng thư cho khách hàng và được xác nhận bởi khách hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ khác

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Mức độ hoàn thành công việc được xác định theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên các công việc đã được thực hiện. Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Doanh thu phí sử dụng thương hiệu

Doanh thu được ghi nhận trên cơ sở dồn tích theo các điều khoản của hợp đồng về thu phí sử dụng thương hiệu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

3.16 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính tổng hợp.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoãn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoãn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận tính thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Thông tin theo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là cung cấp dịch vụ giám định và phân tích. Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về dịch vụ mà Công ty cung cấp hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý và Công ty không trình bày thông tin theo bộ phận.

3.18 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tiền mặt	3.442.552.280	3.687.458.038
Tiền gửi ngân hàng	39.291.234.071	27.721.874.354
Các khoản tiền gửi có kỳ hạn (*)	29.782.732.868	16.839.914.959
TỔNG CỘNG	72.516.519.219	48.249.247.351

(*) Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng tại các ngân hàng với lãi suất từ 0,5% đến 3,75%/năm (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 2,8% đến 6,0%/năm).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

5.1 Chứng khoán kinh doanh

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Số lượng (cổ phiếu)	Giá gốc	Dự phòng	Số lượng (cổ phiếu)	Giá gốc	Dự phòng
Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí Đà Nẵng	27.000	540.000.000	(178.470.000)	27.000	540.000.000	(311.364.000)
Công ty Cổ phần Định giá và Dịch vụ tài chính Việt Nam (*)	33.000	861.400.000	-	33.000	861.400.000	-
TỔNG CỘNG		1.401.400.000	(178.470.000)		1.401.400.000	(311.364.000)

(*) Công ty đang trong quá trình thu thập các thông tin cần thiết để thực hiện đánh giá lại giá trị hợp lý của giá trị đầu tư tại công ty này do cổ phiếu của công ty này chưa được niêm yết trên sàn chứng khoán.

5.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn là các khoản tiền gửi bằng đồng Việt Nam tại các ngân hàng thương mại với kỳ hạn gốc từ 6 tháng đến 12 tháng và hưởng lãi suất từ 3,4% - 7,1%/năm (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 4,6% - 8,2%/năm).

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn là khoản tiền gửi bằng đồng Việt Nam tại các ngân hàng thương mại với kỳ hạn gốc là 28 tháng và hưởng lãi suất 8,0%/năm (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 8,0%).

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

6.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 26)	4.388.036.470	3.726.832.068
Phải thu từ khách hàng khác	42.282.920.145	42.851.102.532
TỔNG CỘNG	46.670.956.615	46.577.934.600
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(2.787.893.028)	(2.943.420.169)

6.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Thiết bị Đo lường và Kiểm nghiệm	17.050.000	1.005.925.000
Công ty TNHH thương mại & dịch vụ du lịch Trâm An	129.736.000	-
Trả trước cho người bán khác	291.234.471	199.139.000
TỔNG CỘNG	438.020.471	1.205.064.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

Đơn vị tính: VND

	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá trị</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Dự phòng</i>
Tạm ứng	2.907.167.052	-	2.884.599.195	-
Ký quỹ, ký cược	811.932.727	-	1.176.528.727	-
Phải thu ngắn hạn khác	206.901.733	-	1.429.779.914	-
Phải thu ngắn hạn từ các bên liên quan <i>(Thuyết minh số 26)</i>	19.005.830.000	(432.400.000)	16.456.630.000	(432.400.000)
TỔNG CỘNG	22.931.831.512	(432.400.000)	21.947.537.836	(432.400.000)

8. DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI

Đơn vị tính: VND

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Số đầu năm	3.375.820.169	3.782.378.995
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	529.156.831	993.115.345
Trừ: Sử dụng dự phòng trong năm	(826.967.533)	(23.446.060)
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong năm	(290.116.439)	(1.376.228.111)
Số cuối năm	2.787.893.028	3.375.820.169

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Đơn vị tính: VND

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ	207.505.180	503.443.515
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	-	457.593.462
TỔNG CỘNG	207.505.180	961.036.977
Dài hạn		
Tiền thuê đất trả trước	17.261.099.524	17.887.501.772
Chi phí trả trước dài hạn khác	2.624.454.981	3.997.357.711
TỔNG CỘNG	19.885.554.505	21.884.859.483

Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng	Đơn vị tính: VND
Nguyên giá:						
Số đầu năm	62.373.940.340	73.951.732.018	18.760.386.939	3.268.829.226	158.354.888.523	
- Mua trong năm	95.178.107	5.811.771.077	5.565.865.310	-	11.472.814.494	
- Thanh lý trong năm	(227.945.987)	(550.100.294)	(1.145.776.364)	(64.360.000)	(1.988.182.645)	
- Phân loại lại	61.409.091	(208.089.091)	146.680.000	-	-	
Số cuối năm	62.302.581.551	79.005.313.710	23.327.155.885	3.204.469.226	167.839.520.372	
Trong đó:						
Đã khấu hao hết	9.330.107.553	23.397.865.430	10.844.913.029	2.900.696.498	46.473.582.510	
Giá trị khấu hao lũy kế:						
Số đầu năm	27.417.584.512	42.228.736.677	14.798.402.525	2.759.063.635	87.203.787.349	
- Khấu hao trong năm	2.486.725.258	6.723.203.410	1.577.826.747	384.382.594	11.172.138.009	
- Thanh lý trong năm	(227.945.987)	(550.100.294)	(1.145.776.364)	(64.360.000)	(1.988.182.645)	
Số cuối năm	29.676.363.783	48.401.839.793	15.230.452.908	3.079.086.229	96.387.742.713	
Giá trị còn lại:						
Số đầu năm	34.956.355.828	31.722.995.341	3.961.984.414	509.765.591	71.151.101.174	
Số cuối năm	32.626.217.768	30.603.473.917	8.096.702.977	125.382.997	71.451.777.659	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<i>Đơn vị tính: VND</i>		
	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Phần mềm máy tính</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:			
Số đầu năm	<u>10.706.823.678</u>	<u>4.091.287.200</u>	<u>14.798.110.878</u>
Số cuối năm	<u>10.706.823.678</u>	<u>4.091.287.200</u>	<u>14.798.110.878</u>
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã hao mòn hết</i>	-	528.600.000	528.600.000
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Số đầu năm	61.463.594	820.266.783	881.730.377
- Hao mòn trong năm	<u>18.305.784</u>	<u>509.366.806</u>	<u>527.672.590</u>
Số cuối năm	<u>79.769.378</u>	<u>1.329.633.589</u>	<u>1.409.402.967</u>
Giá trị còn lại:			
Số đầu năm	<u>10.645.360.084</u>	<u>3.271.020.417</u>	<u>13.916.380.501</u>
Số cuối năm	<u>10.627.054.300</u>	<u>2.761.653.611</u>	<u>13.388.707.911</u>

Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số cuối năm			Số đầu năm			Đơn vị tính: VND
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	
Đầu tư vào công ty con	72.080.000.000	-	72.080.000.000	71.570.000.000	-	71.570.000.000	
Công ty TNHH Giám định Vinacontrol thành phố Hồ Chí Minh	68.000.000.000	-	68.000.000.000	68.000.000.000	-	68.000.000.000	
Công ty Cổ phần Tư vấn và Thẩm định Môi trường Vinacontrol	1.530.000.000	-	1.530.000.000	1.530.000.000	-	1.530.000.000	
Công ty Cổ phần Chứng nhận và Kiểm định Vinacontrol (*)	2.550.000.000	-	2.550.000.000	2.040.000.000	-	2.040.000.000	
Đầu tư vào công ty liên kết	1.050.000.000	-	1.050.000.000	1.050.000.000	-	1.050.000.000	
Công ty Cổ phần Thẩm định giá Vinacontrol	1.050.000.000	-	1.050.000.000	1.050.000.000	-	1.050.000.000	
TỔNG CỘNG	73.130.000.000	-	73.130.000.000	72.620.000.000	-	72.620.000.000	

(*) Trong năm 2023, Công ty đã chuyển đổi khoản công nợ phải thu về cổ tức với Công ty Cổ phần Chứng nhận và Kiểm định Vinacontrol thành vốn góp với tổng giá trị 510 triệu VND. Tỷ lệ sở hữu của Công ty trong Công ty Chứng nhận và Kiểm định Vinacontrol sau giao dịch này giữ nguyên là 51%.

Công ty đang trong quá trình thu thập các thông tin cần thiết để xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tại các công ty nêu trên do các công ty này chưa được niêm yết trên sàn chứng khoán.

12.1 Đầu tư vào các công ty con

Chi tiết các khoản đầu tư vào các công ty con được trình bày tại Thuyết minh số 1.

12.2 Đầu tư vào các công ty liên kết

Tên đơn vị	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Tỷ lệ vốn nắm giữ (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Tỷ lệ vốn nắm giữ (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)
Công ty Cổ phần Thẩm định giá Vinacontrol	35%	35%	35%	35%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

12.2 Đầu tư vào các công ty liên kết (tiếp theo)

Công ty Cổ phần Thẩm định giá Vinacontrol là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0107010836 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 30 tháng 9 năm 2015. Công ty này có trụ sở chính tại số 54 Trần Nhân Tông, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam. Hoạt động chính trong năm của đơn vị là cung cấp dịch vụ thẩm định giá và giám định.

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

13.1 Phải trả người bán ngắn hạn

	Đơn vị tính: VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả cho người bán	2.812.828.201	2.812.828.201	2.064.706.199	2.064.706.199
- Công ty TNHH Thương Mại Phát An	1.260.000.000	1.260.000.000	864.000.000	864.000.000
- Các nhà cung cấp khác	1.552.828.201	1.552.828.201	1.200.706.199	1.200.706.199
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 26)	153.027.200	153.027.200	486.879.722	486.879.722
TỔNG CỘNG	2.965.855.401	2.965.855.401	2.551.585.921	2.551.585.921

13.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ban Quản lý Dự án ĐTXD và PTQĐ huyện Lý Sơn	104.529.000	104.529.000
Tập đoàn dầu khí Việt Nam	197.410.335	-
Phòng thí nghiệm hợp chuẩn Hàn Quốc	-	264.701.820
Người mua trả tiền trước khác	675.064.841	758.632.261
TỔNG CỘNG	977.004.176	1.127.863.081

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<i>Số đầu năm</i>	<i>Số phải nộp trong năm</i>	<i>Số đã nộp trong năm</i>	<i>Số cuối năm</i>
Thuế giá trị gia tăng	2.960.020.688	21.296.540.009	(21.797.787.216)	2.458.773.481
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.008.336.122	4.561.687.876	(4.581.601.383)	988.422.615
Thuế thu nhập cá nhân	1.048.109.100	7.653.488.783	(6.371.758.375)	2.329.839.508
Các loại thuế khác	-	69.723.334	(69.723.334)	-
TỔNG CỘNG	5.016.465.910	33.581.440.002	(32.820.870.308)	5.777.035.604

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Chi phí tiền thuê văn phòng	999.683.879	920.244.674
Chi phí hoa hồng môi giới	245.000.000	153.587.000
Chi phí phải trả khác	150.257.700	259.000.000
TỔNG CỘNG	1.394.941.579	1.332.831.674

16. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Bảo hiểm, kinh phí công đoàn	147.085.573	326.109.201
Các khoản phải trả, phải nộp khác	236.926.004	290.659.895
TỔNG CỘNG	384.011.577	616.769.096

17. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Số đầu năm	36.820.000	44.490.000
Trích lập quỹ trong năm (Thuyết minh số 18)	5.475.423.277	3.252.977.020
Sử dụng quỹ trong năm	(5.246.603.000)	(3.260.647.020)
Số cuối năm	265.640.277	36.820.000

Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

18.1 *Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu*

	Vốn cổ phần đã phát hành	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND
Năm trước					Tổng cộng
Số đầu năm	104.999.550.000	(3.954.000)	116.900.065.429	32.529.770.196	254.425.431.625
- Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	36.502.821.845	36.502.821.845
- Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	16.677.321.176	(16.677.321.176)	-
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(3.252.977.020)	(3.252.977.020)
- Chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2021	-	-	-	(12.599.472.000)	(12.599.472.000)
Số cuối năm	104.999.550.000	(3.954.000)	133.577.386.605	36.502.821.845	275.075.804.450
Năm nay					
Số đầu năm	104.999.550.000	(3.954.000)	133.577.386.605	36.502.821.845	275.075.804.450
- Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	36.795.330.569	36.795.330.569
- Tạm trích quỹ đầu tư phát triển (*)	-	-	15.278.058.568	(15.278.058.568)	-
- Tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	-	(5.475.423.277)	(5.475.423.277)
- Tạm ứng cổ tức (**)	-	-	-	(12.599.467.200)	(12.599.467.200)
Số cuối năm	104.999.550.000	(3.954.000)	148.855.445.173	39.945.203.369	293.796.244.542

(*) Theo Nghị quyết số 177/NQ-HĐQT ngày 30 tháng 6 năm 2023, Hội đồng quản trị Công ty đã phê duyệt việc tạm trích Quỹ khen thưởng phúc lợi và Quỹ đầu tư phát triển từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm 2022.

(**) Theo Nghị quyết số 100/NQ-HĐQT ngày 30 tháng 6 năm 2023, Hội đồng quản trị Công ty đã phê duyệt việc tạm ứng cổ tức 12% năm 2022 (một cổ phiếu phổ thông được hưởng 1.200 VND). Việc tạm ứng cổ tức này phù hợp với kế hoạch chi trả cổ tức năm 2022 đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua tại Nghị quyết số 118/ĐHĐCĐ-NQ ngày 24 tháng 5 năm 2022 của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2022.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

18.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	<i>Số cuối năm</i>			<i>Số đầu năm</i>		
	<i>Tổng số</i>	<i>Cổ phiếu thường</i>	<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	<i>Tổng số</i>	<i>Cổ phiếu thường</i>	<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước	31.500.000.000	31.500.000.000	-	31.500.000.000	31.500.000.000	-
Các cổ đông khác	73.499.550.000	73.499.550.000	-	73.499.550.000	73.499.550.000	-
Cổ phiếu quỹ	(3.954.000)	(3.954.000)	-	(3.954.000)	(3.954.000)	-
TỔNG CỘNG	104.995.596.000	104.995.596.000	-	104.995.596.000	104.995.596.000	-

18.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

Đơn vị tính: VND

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Vốn đã góp		
Số đầu năm và số cuối năm	104.999.550.000	104.999.550.000
Cổ tức đã công bố	12.599.467.200	12.599.472.000
Cổ tức đã trả	12.594.743.040	12.593.777.700

18.4 Cổ phiếu

Đơn vị tính: cổ phiếu

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Cổ phiếu đã phát hành ra công chúng	10.499.955	10.499.955
Cổ phiếu phổ thông	10.499.955	10.499.955
Cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	(395)	(395)
Cổ phiếu phổ thông	(395)	(395)
Cổ phiếu đang lưu hành	10.499.560	10.499.560
Cổ phiếu phổ thông	10.499.560	10.499.560

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 10.000 VND/cổ phiếu (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 10.000 VND/cổ phiếu).

18.5 Cổ tức

Đơn vị tính: VND

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Cổ tức đã công bố và đã trả trong năm		
Cổ tức cho năm 2021: VND 1.200/cổ phiếu	-	12.599.472.000
Cổ tức cho năm 2022: VND 1.200/cổ phiếu	12.599.467.200	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Ngoại tệ các loại		
- Đô la Mỹ (USD)	333.254	221.469
Nợ khó đòi đã xử lý (VND)	17.056.426.378	16.229.458.845

20. DOANH THU

20.1 Doanh thu cung cấp dịch vụ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tổng doanh thu	365.103.659.932	326.606.006.132
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu dịch vụ giám định	322.423.317.331	282.264.097.101
Doanh thu dịch vụ phân tích mẫu	21.283.365.679	24.364.097.331
Doanh thu từ phí sử dụng thương hiệu	19.637.295.558	18.073.119.128
Doanh thu khác	1.759.681.364	1.904.692.572
Giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	365.103.659.932	326.606.006.132
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu đối với bên khác	330.170.042.084	292.108.231.425
Doanh thu đối với các bên liên quan (Thuyết minh số 26)	34.933.617.848	34.497.774.707

20.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	984.014.909	694.302.997
Cổ tức, lợi nhuận được chia	18.669.600.000	19.251.450.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	778.722.908	905.674.226
TỔNG CỘNG	20.432.337.817	20.851.427.223

21. GIÁ VỐN DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	21.276.919.640	14.301.426.309
Chi phí nhân công	174.861.312.251	158.070.475.857
Chi phí khấu hao và hao mòn	11.122.554.572	9.914.009.112
Chi phí dịch vụ mua ngoài	40.124.448.000	32.608.764.473
Chi phí khác	40.269.317.175	38.619.908.845
TỔNG CỘNG	287.654.551.638	253.514.584.596

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tiền lãi vay	-	837.089.700
Hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(132.894.000)	(208.489.000)
Chi phí tài chính khác	293.260.894	327.761.085
TỔNG CỘNG	160.366.894	956.361.785

23. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí bán hàng		
Chi phí hoa hồng dịch vụ	21.942.663.576	17.923.927.605
Chi phí bán hàng khác	1.885.765.934	1.950.313.614
	23.828.429.510	19.874.241.219
Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân công	17.405.687.748	14.857.459.334
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	529.156.831	993.115.345
Chi phí khấu hao và hao mòn	1.203.658.276	1.259.218.403
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.398.829.332	9.472.446.180
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	3.430.889.733	6.515.869.055
	33.068.221.920	33.098.108.317
Các khoản ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp		
Hoàn nhập dự phòng tái cơ cấu, dự phòng khác	(290.116.439)	(1.376.228.111)
	32.778.105.481	31.721.880.206
TỔNG CỘNG	56.606.534.991	51.596.121.425

24. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	21.276.919.640	15.461.789.969
Chi phí nhân công	192.266.999.999	173.097.405.836
Chi phí khấu hao, hao mòn tài sản cố định và phân bổ tiền thuê đất	12.326.212.848	11.737.736.259
Chi phí dịch vụ mua ngoài	72.565.940.908	60.005.138.258
Chi phí khác	45.825.013.234	44.808.635.699
TỔNG CỘNG	344.261.086.629	305.110.706.021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") của Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính tổng hợp có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

25.1 Chi phí thuế TNDN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	4.561.687.876	4.480.183.180
Điều chỉnh thuế TNDN theo Biên bản Thanh tra thuế	-	104.358.025
TỔNG CỘNG	4.561.687.876	4.584.541.205

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	41.357.018.445	41.087.363.050
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	8.271.403.689	8.217.472.610
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Chi phí không được khấu trừ thuế	7.499.289	100.845.754
Điều chỉnh thuế TNDN theo Biên bản Thanh tra thuế	-	104.358.025
Thu nhập từ cổ tức, lợi nhuận được chia	(3.733.920.000)	(3.850.290.000)
Tăng khác	16.704.899	12.154.816
Chi phí thuế TNDN	4.561.687.876	4.584.541.205

25.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát với Công ty và các bên liên quan khác có giao dịch với Tập đoàn trong năm và tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 như sau:

Bên liên quan *Mối quan hệ*

Các cá nhân liên quan

Ông Bùi Duy Chính	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Mai Tiến Dũng	Tổng Giám đốc/Thành viên Hội đồng Quản trị
Ông Phan Văn Hùng	Phó Tổng Giám đốc/Thành viên Hội đồng Quản trị
Ông Bạch Khánh Nhựt	Phó Tổng Giám đốc/Thành viên Hội đồng Quản trị
	đến ngày 31 tháng 3 năm 2023
Bà Nguyễn Thanh Hương	Thành viên Hội đồng Quản trị
Bà Dương Thanh Huyền	Thành viên Hội đồng Quản trị
Bà Nguyễn Thị Thủy Ngân	Trưởng Ban Kiểm soát
Ông Nguyễn Quốc Minh	Thành viên Ban Kiểm soát
Ông Nguyễn Trung Hiếu	Thành viên Ban Kiểm soát
Ông Lưu Ngọc Hiền	Kế toán trưởng

Các công ty liên quan có quan hệ kiểm soát hoặc ảnh hưởng đáng kể

Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước	Cổ đông lớn
Công ty TNHH Giám định Vinacontrol thành phố Hồ Chí Minh	Công ty con
Công ty Cổ phần Tư vấn và Thẩm định Môi trường Vinacontrol	Công ty con
Công ty Cổ phần Chứng nhận và Kiểm định Vinacontrol	Công ty con
Công ty Cổ phần Thẩm định giá Vinacontrol	Công ty liên kết

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước bao gồm:

			<i>Đơn vị tính: VND</i>	
<i>Các bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước	Cổ đông lớn	Chi trả cổ tức	3.778.195.140	3.779.983.800
Công ty TNHH Giám định Vinacontrol thành phố Hồ Chí Minh	Công ty con	Doanh thu cung cấp dịch vụ	8.281.523.141	8.687.195.081
		Mua dịch vụ	15.573.314.457	13.650.515.332
		Phí sử dụng thương hiệu	19.637.295.558	18.073.119.128
		Lợi nhuận được chia	17.297.600.000	17.646.400.000
Công ty Cổ phần Chứng nhận và Kiểm định Vinacontrol	Công ty con	Doanh thu cung cấp dịch vụ	6.560.747.348	7.245.327.628
		Cổ tức được chia	1.224.000.000	1.326.000.000
		Mua dịch vụ	694.524.033	320.813.863
		Góp vốn	510.000.000	510.000.000
Công ty Cổ phần Thẩm định giá Vinacontrol	Công ty liên kết	Doanh thu cung cấp dịch vụ	454.051.801	492.132.870
		Cổ tức được chia	126.000.000	157.500.000
		Mua dịch vụ	9.000.000	23.000.000

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan

Các nghiệp vụ cho vay, cung cấp dịch vụ, sử dụng dịch vụ với các bên liên quan được thực hiện theo cơ sở thỏa thuận theo hợp đồng.

Số dư các khoản phải thu, phải trả tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty đang trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi cho các khoản phải thu bên liên quan với tổng số trích lập tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 432.400.000 VND (31 tháng 12 năm 2022: 432.400.000 VND). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi năm thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

<i>Đơn vị tính: VND</i>				
<i>Các bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 6.1)</i>				
Công ty Cổ phần Chứng nhận và Kiểm định Vinacontrol	Công ty con	Cung cấp dịch vụ	2.572.780.860	2.902.324.414
Công ty TNHH Giám định Vinacontrol thành phố Hồ Chí Minh	Công ty con	Cung cấp dịch vụ	1.689.477.891	720.268.854
Công ty Cổ phần Thẩm định giá Vinacontrol	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ	125.777.719	104.238.800
TỔNG CỘNG			<u>4.388.036.470</u>	<u>3.726.832.068</u>
<i>Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 7)</i>				
Công ty Cổ phần Chứng nhận và Kiểm định Vinacontrol	Công ty con	Cổ tức được chia	1.224.000.000	1.326.000.000
Công ty TNHH Giám định Vinacontrol thành phố Hồ Chí Minh	Công ty con	Lợi nhuận được chia	17.297.600.000	14.646.400.000
Công ty Cổ phần Tư vấn và Thẩm định Môi trường Vinacontrol	Công ty con	Cổ tức được chia	229.500.000	229.500.000
		Phải thu khác	254.730.000	254.730.000
TỔNG CỘNG			<u>19.005.830.000</u>	<u>16.456.630.000</u>
<i>Phải trả cho người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 13.1)</i>				
Công ty Cổ phần Chứng nhận và Kiểm định Vinacontrol	Công ty con	Mua dịch vụ	128.187.200	-
Công ty TNHH Giám định Vinacontrol thành phố Hồ Chí Minh	Công ty con	Mua dịch vụ	-	462.039.722
Công ty Cổ phần Thẩm định giá Vinacontrol	Công ty liên kết	Mua dịch vụ	24.840.000	24.840.000
TỔNG CỘNG			<u>153.027.200</u>	<u>486.879.722</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Lương, thưởng và thù lao của các thành viên của Hội đồng Quản trị ("HĐQT"), Ban kiểm soát ("BKS") và Ban Tổng Giám đốc:

Tên	Chức vụ	Đơn vị tính: VND	
		Năm nay	Năm trước
Ông Bùi Duy Chính	Chủ tịch HĐQT	979.936.843	974.688.652
Ông Mai Tiến Dũng	Tổng giám đốc/Thành viên HĐQT	919.147.102	914.713.803
Ông Phan Văn Hùng	Phó Tổng Giám đốc/Thành viên HĐQT	864.797.221	863.178.813
Bà Dương Thanh Huyền	Thành viên HĐQT	96.000.000	96.000.000
Bà Nguyễn Thanh Hương	Thành viên HĐQT	96.000.000	96.000.000
Bà Nguyễn Thị Thủy Ngân	Trưởng BKS	84.000.000	84.000.000
Ông Nguyễn Quốc Minh	Thành viên BKS	60.000.000	60.000.000
Ông Nguyễn Trung Hiếu	Thành viên BKS	60.000.000	60.000.000
TỔNG CỘNG		<u>3.159.881.166</u>	<u>3.148.581.268</u>

27. CÁC CAM KẾT

Cam kết hoàn trả mặt bằng

Công ty hiện hiện đang thuê đất tại Cụm công nghiệp Ninh Hiệp, huyện Gia Lâm, Hà Nội với thời hạn là 41 năm kể từ ngày 20 tháng 6 năm 2016. Theo hợp đồng thuê đất đã ký kết, Công ty có nghĩa vụ hoàn trả lại khu đất này cho bên cho thuê nguyên trạng theo hiện trạng khi bàn giao và chịu mọi chi phí phát sinh liên quan đến hoàn trả mặt bằng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Tại ngày 10 tháng 1 năm 2024, Công ty Cổ phần Chứng khoán Asean ("Công ty CK Asean") đã hoàn tất chuyển nhượng toàn bộ cổ phần đang nắm giữ tại Công ty (1.254.666 cổ phần, tương ứng với khoảng 11,95% vốn điều lệ của Công ty). Sau giao dịch này, Công ty CK Asean không còn là cổ đông của Công ty.

Tại ngày 22 tháng 1 năm 2024, Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước ("Công ty SCIC") đã hoàn tất việc chuyển nhượng toàn bộ cổ phần đang nắm giữ tại Công ty (3.150.000 cổ phần, tương ứng với khoảng 30% vốn điều lệ của Công ty). Sau giao dịch này, Công ty SCIC không còn là cổ đông của Công ty.



Trần Thị Thu Thủy
Người lập



Lưu Ngọc Hiền
Kế toán trưởng



Mai Tiến Dũng
Tổng Giám đốc

THI

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 11 tháng 3 năm 2024